ĐỜI THỪA

(NAM CAO)

I – BÀI TẬP

1. Dựa vào nội dung truyện ngắn, hãy :

a) Xác định ai là người đang lâm vào tình trạng "đời thừa" ?

b) Giải thích ý nghĩa của hai chữ "đời thừa" được dùng làm tên truyện.

2. Việc tự ý thức được tình trạng sống "thừa" như thế cho thấy đặc điểm nổi bật gì ở nhân vật của Nam Cao ?

3. Bi kịch tinh thần của nhân vật Hộ, nói gọn lại, là bi kịch gì ?

4. Cũng như nhiều truyện ngắn viết về người trí thức nghèo đương thời, trong truyện ngắn *Đời thừa*, Nam Cao tỏ ra có biệt tài miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật. Hãy phân tích đoạn 1 và đoạn 4 để làm rõ điều đó.

5. Đọc kĩ *Đời thừa* và cho biết đâu là phần kể về cuộc sống hiện tại, đâu là phần kể về cuộc sống những ngày đã qua (theo hồi ức) của nhân vật Hộ ?

6. Câu hỏi 5, sách giáo khoa, trang 208.

7. Có thể xem *Đời thừa* là truyện ngắn mang ý nghĩa tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao được không ? Vì sao ? Nếu có, *Đời thừa* tuyên ngôn về những điều gì ?

8. Tìm và phân tích một vài câu văn (đoạn văn ngắn) đặc sắc, mang đậm chất suy tư, triết lí trong *Đời thừa*. Liên hệ với truyện *Chí Phèo* và nhận xét về chất triết lí trong văn Nam Cao.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Cần bám sát văn bản để nắm được nội dung khái quát và mạch lạc của truyện ngắn. Qua đó xác định :

– Người lâm vào tình trạng sống "thừa" và ý thức được tình trạng sống "thừa" trong tác phẩm là nhân vật Hộ, nhưng rộng hơn là người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

– "Đời thừa" được chọn dùng làm tên truyện với hai ý nghĩa : cảnh báo về một tình trạng, một kiểu "tha hoá" của người trí thức nghèo trong xã hội cũ ; tình cảnh sống đầy bi kịch : vô ích, vô nghĩa, mòn mỏi.

2. Bài tập này có quan hệ mật thiết với Bài tập 1. Ở đây cần làm rõ hai ý (ý xuất phát từ nhân vật, tác phẩm – Hộ trong *Đời thừa* – và ý khái quát về đặc điểm nhân vật trí thức trong sáng tác của Nam Cao). Nên nhấn mạnh :

– Trong *Đời thừa*, Hộ là người luôn tỉnh táo, trung thực để ý thức được tình trạng sống "thừa", sống "mòn" của mình.

– Không phải ai cũng đủ trung thực, tỉnh táo để ý thức được tình trạng sống "thừa" như thế. Người trí thức trong tác phẩm của Nam Cao cảm nhận và ý thức được nỗi đau sống cảnh "đời thừa" bởi họ luôn khao khát sống cho có ích, có nghĩa, có giá trị.

3. Bi kịch tinh thần của nhân vật Hộ nảy sinh trên nỗi đau tinh thần. Nỗi đau này xuất phát từ mâu thuẫn giữa khát vọng, quan niệm sống chính đáng, cao đẹp của con người và hoàn cảnh thực tế nghiệt ngã chối bỏ phũ phàng khát vọng, quan niệm đó.

Bi kịch tinh thần (hay nỗi đau tinh thần) ấy, nói gọn lại là :

– Không được sống cho xứng đáng là một nhà văn ;

– Không được sống cho xứng đáng là một con người.

Phân tích yếu tố thứ nhất, cần làm rõ :

+ Phẩm chất quan trọng và niềm hạnh phúc lớn nhất của một nhà văn là thoả mãn đam mê và sáng tạo nghệ thuật ;

+ Nhân vật tự soi vào mình và thấy mình đang đánh mất dần phẩm chất và niềm hạnh phúc tuyệt vời đó.

Phân tích yếu tố thứ hai, cần làm rõ :

+ Phẩm chất quan trọng nhất của *con người* và niềm kiêu hãnh cao cả của "kẻ mạnh" là yêu thương giúp đỡ "kẻ khác" (theo nguyên tắc tình thương) ;

+ Nhân vật tự soi vào mình và thấy phẩm chất ấy đang chết mòn (tự mình vi phạm nguyên tắc tình thương).

Sau đó, khái quát :

Nỗi đau tinh thần của Hộ, nói gọn lại, là nỗi đau *không được sống cho ra sống* ("không được sống cho xứng đáng là nhà văn, sống cho xứng đáng là con người"). Nghĩa là đau đớn vì đang *sống thừa*, đang *chết mòn*. Có thể xem đó là hai nỗi đau nối tiếp nhau.

4. Đây là một bài tập khó, đòi hỏi phải đọc kĩ, đọc sâu tác phẩm, và phải hiểu về "nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật" mới trả lời tốt được câu hỏi. Bài giải nên đi theo hai bước :

a) Giải thích ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật và cái khó trong việc sử dụng nghệ thuật này ;

b) Chọn một trong hai đoạn văn (1 hoặc 4) để phân tích, minh hoạ cho "biệt tài" của Nam Cao.

Cả hai đoạn văn mà bài tập nêu ra đều tương đối dài. Có thể lựa chọn và tập trung vào một đoạn ngắn và đặc sắc hơn cả. Ví dụ, tập trung vào đoạn : "Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. [...]. Lòng hắn không còn sôi nổi nữa, nhưng rũ buồn..." (thuộc đoạn 1) ; hoặc : "Sáng hôm sau. [...]. Hắn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc" (thuộc đoạn 4).

Khi phân tích (một trong hai đoạn trên), cần từng bước làm rõ :

– Tâm lí nhân vật đã được Nam Cao miêu tả thành một quá trình (một chuỗi những trạng thái hoặc những phản ứng tâm lí liên tiếp hay đứt đoạn, đối lập và chuyển hoá lẫn nhau) theo đúng lô gích "biện chứng" của nó ("biện chứng pháp của tâm hồn").

Cần tóm tắt được chuỗi phản ứng tâm lí ấy.

Ví dụ : ở đoạn 2, chuỗi phản ứng tâm lí của Hộ là : Cảm thấy ngột ngạt, nặng nề, bức bối vì gánh nặng và không khí cuộc sống gia đình → Bực dọc → Hầm hầm bỏ ra ngoài (để giải toả được một phần nỗi đau vỡ mộng) → Nhớ tiếc vô hạn một cái gì đã mất → Nỗi bực dọc lắng xuống, "nhưng lòng rũ buồn".

– Để làm rõ quá trình tâm lí ấy, Nam Cao không đứng ngoài mà quan sát, cảm nhận, miêu tả, ông nhập vai, hoá thân vào nhân vật để cất lên tiếng nói bên trong. Điều này được thể hiện có hiệu quả bằng cách cho nhân vật Hộ độc thoại nội tâm, bằng giọng tự vấn đầy thổn thức, ân hận, đau đớn,...

5 và **6.** Học sinh tự làm.

7. Bài tập này yêu cầu giải thích tính chất và nội dung tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao trong *Đời thừa*. Có hai nội dung cần làm rõ :

a) Vì sao xem tác phẩm này là tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao ? Có thể giải thích bằng nhiều lí do. (Ví dụ : Vì tác phẩm bộc lộ quan niệm về văn chương, lao động sáng tạo của nhà văn,…).

b) Nội dung các tuyên ngôn xoay quanh hai điểm mấu chốt : thứ nhất, phẩm chất về nội dung tư tưởng – nhân văn, nhân đạo ("... ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình", "làm cho người gần người hơn") ; thứ hai, chất lượng nghệ thuật của tác phẩm – tính độc đáo, sức sáng tạo ("biết đào sâu", "biết tìm tòi", "khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có",...).

8. Học sinh tự làm.